

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-PT

Ngày: 12/01/2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Văn Luông

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2020/DS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CTA, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 220/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê TH

Địa chỉ: ấp TPA, xã TLT, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Bà Nguyễn Thị N - Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 30/12/2020) (có mặt)

Địa chỉ: ấp TPA, xã TLT, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: - Ông Trương MP (vắng mặt)

- Bà Trần Thị KH (vắng mặt)

- Ông Trương Hoài P (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp TPA, xã TLT, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Trương Hoài P: Luật sư Hồ QT – Văn phòng Luật sư Tiên T – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị N (có mặt)

Địa chỉ: ấp TPA, xã TLT, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

4. *Do có kháng cáo của:* Ông Trương Hoài P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê TH trình bày như sau: Vào ngày 28 tháng 01 năm 2017, vợ chồng ông Trương MP, bà Trần Thị KH liên hệ và đến nhà ông mượn số tiền là 329.800.000 đồng để trả nợ ngân hàng và vay lại được tiền từ ngân hàng thì trả cho ông ngay. Ông đã tin tưởng cho mượn và viết giấy mượn nợ hẹn ngày 28 tháng 4 năm 2017. Khi đó, do ông Trương MP và bà Trần Thị KH nói không biết chữ nên kêu ông Trương Hoài P là con ruột của ông Phước và bà Hui ký tên vào giấy mượn nợ.

Đến hạn trả nợ thì vợ chồng ông Phước, bà Hui không trả được nợ, hẹn nhiều lần nhưng không trả. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông Trương MP, Trương Hoài P, bà Trần Thị KH trả số tiền đã mượn là 329.800.000 đồng.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn Trương MP trình bày: Ông không có vay mượn tiền của ông Lê TH, việc con ông là Trương Hoài P vay mượn tiền của ông H ông cũng không biết, cho đến khi bà N là vợ ông H vào nhà ông đòi đo đất của gia đình thì P mới nói với ông là có vay của ông H nhưng chỉ vay có 10.000.000 đồng, trả lãi nhiều lần với số tiền 46.000.000 đồng. Đến nay, ông H khởi kiện vợ chồng ông và P yêu cầu trả số tiền 329.800.000 đồng, ông không đồng ý trả vì ông không có vay mượn tiền của ông H, bà N.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Trần Thị KH trình bày: Con trai bà là Trương Hoài P có vay của ông Lê TH ba lần với số tiền tổng cộng là 10.000.000 đồng, P kêu bà lên nhà ông H nhận tiền, việc giao nhận tiền không có làm biên nhận. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, yêu cầu bà và ông Phước, P trả số tiền 329.800.000 đồng, bà không đồng ý vì bà không có mượn số tiền này.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trương Hoài P trình bày: Vào năm 2016, ông có vay tiền của bà N và ông H, vay ba lần tổng cộng là 10.000.000 đồng, lãi suất là 20.000 đồng/ngày/một triệu đồng. Từ năm 2016 đến nay ông đã trả lãi nhiều lần, tổng cộng là 46.000.000 đồng. Đến gần đây thì bà N là vợ ông H kêu ông lại nhà bà N, đọc biên nhận cho ông ghi và ký nhận là có nợ bà N và ông H số tiền 329.800.000 đồng. Ông không đồng ý ký thì bà N hăm dọa sẽ gọi xã hội đen chặt tay ông. Khi đó có chị ruột của ông là bà Hnh chứng kiến, ngoài

ra không có ai biết việc này, ông cũng có nhiều lần trình báo chính quyền địa phương nhưng không ai nhận đơn và xử lý cho ông vụ việc này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, ông không đồng ý vì ông đã trả hết nợ. Việc ông trả nợ cho ông H, bà N không có làm biên nhận, giấy tờ gì.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và chồng bà là ông Lê TH có cho ông Trương MP, Trương Hoài P và bà Trần Thị KH mượn số tiền là 329.800.000 đồng, khi mượn nói là để trả ngân hàng và vay tiền lại thì sẽ trả cho vợ chồng bà nhưng sau đó không trả. Ngày mượn tiền là ngày 28/01/2017, hẹn ngày 28/4/2017 sẽ trả đủ. Nay ông H khởi kiện ông Phước, ông P, bà Hui để đòi số tiền 329.800.000 đồng bà cũng đồng ý vì đây là tiền chung của vợ chồng bà, bà để ông H toàn quyền quyết định trong vụ án này.

Quá trình tố tụng người làm chứng bà Trương Mỹ H trình bày như sau: Bà là chị ruột của Trương Hoài P. Đối với việc P vay tiền của ông H và bà N bà có biết. Tuy nhiên, P chỉ vay số tiền là 10.000.000 đồng. Ông P trả lãi nhiều lần hết 46.000.000 đồng, lần cuối ông P đi trả lãi bà có đi theo, số tiền lúc đó trả là 10.000.000 đồng, chị em bà có năn nỉ bà N và ông H để trả gốc lãi 10.000.000 đồng nữa thôi rồi kết thúc nhưng bà N không đồng ý. Bà Nguyệt buộc P phải ghi giấy nhận nợ theo lời bà N nói, với số tiền là 329.800.000 đồng, bà không cho P ký nhưng bà N hăm dọa sẽ mượn xã hội đen chặt tay P nên P sợ quá mới ghi và ký giấy nợ. Khi đó trời đã tối, bà và P không báo công an hay chính quyền địa phương được, cũng không còn ai khác chứng kiến việc này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2020/DS-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CTA, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê TH đối với bị đơn Trương Hoài P, Trương MP, Trần Thị KH.

Buộc ông Trương Hoài P trả cho ông Lê TH số tiền nợ là 329.800.000 đồng (Ba trăm hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, thi hành án của các đương sự theo quy định.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, ông Trương Hoài P có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý trả số tiền 329.800.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Trương Hoài P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Trương Hoài P trình bày: Ông P thừa nhận có viết giấy mượn tiền nhưng không có nhận tiền, đồng thời theo ý kiến của nguyên đơn thì bà Hui là người nhận tiền nên ông P không phải chịu trách nhiệm trả nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Trương Hoài P kháng cáo trong thời Hn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Trương MP, bà Trần Thị KH, ông Trương Hoài P có nghĩa vụ trả nợ. Cấp sơ thẩm chỉ buộc ông Trương Hoài P có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Các đương sự không có kháng cáo liên quan đến nghĩa vụ trả nợ của ông Phước, bà Hui, do đó, trong vụ án này cấp phúc thẩm không xem xét lại về nghĩa vụ trả nợ của ông Phước, bà Hui (nếu có) đối với nguyên đơn, việc loại trừ nghĩa vụ của ông Phước, bà Hui theo quyết định của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời Hn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trương Hoài P.

[2.1] Nguyên đơn Lê TH yêu cầu các bị đơn Trương MP, Trương Hoài P, Trần Thị KH trả số tiền nợ là 329.800.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp “*Giấy mượn tiền*”, trong đó thể hiện nội dung là ông Trương Hoài P có mượn của ông Lê TH số tiền nêu trên và có chữ ký ghi đầy đủ họ tên của ông Trương Hoài P. Bị đơn ông Trương Hoài P cũng thừa nhận có ký giấy mượn tiền này nhưng cho rằng ông bị ép ký, vì bà N là vợ ông H hăm dọa sẽ kêu xã hội đen chặt tay nên ông sợ mới ký tên vào giấy mượn nợ, ông P chỉ vay số tiền là 10.000.000 đồng đã trả lãi nhiều lần hết 46.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định:

Ông P thừa nhận chữ ký trong “*Giấy mượn tiền*” như nguyên đơn trình bày là của mình. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông P cho rằng, việc ông ký vào biên nhận nợ là do bị ép buộc ký chứ thực chất không có mượn số tiền 329.800.000 đồng như nguyên đơn trình bày mà chỉ vay 10.000.000 đồng, hiện tại đã trả đủ. Bà Trương Mỹ H là chị ruột của ông P cũng cho rằng ông P bị ép ký tên vào giấy mượn tiền. Tuy nhiên, ông H cũng như bà N không thừa nhận việc này, bị đơn và bà Hnh cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, theo kết quả xác minh xác định chính quyền địa phương từ trước đến nay không có

nhận được trình báo của ông P về việc ông P bị hăm dọa, ép ký tên vào giấy mượn tiền (Bút lục 23).

Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn cung cấp đoạn ghi âm về việc ông P có thừa nhận mượn nợ, hứa chuyển nhượng đất sẽ trả nợ; ông P cũng thừa nhận toàn bộ nội dung trong đoạn ghi âm là sự thật, thừa nhận có hứa trả cho nguyên đơn 329.800.000 đồng nhưng cho rằng không có nhận tiền của nguyên đơn. Lời thừa nhận này của ông P phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định việc nguyên đơn có cho bị đơn ông P mượn 329.800.000 đồng là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Theo “Giấy mượn tiền” thể hiện thời gian mượn là ngày 28/01/2017, ngày trả là 28/4/2017 đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn bị đơn ông P không thanh toán nên nguyên đơn được quyền đòi lại số tiền đã cho vay.

[2.3] Bị đơn ông Trương Hoài P là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định giữa các bên có xác lập hợp đồng vay tài sản (mượn), nên phải chịu trách nhiệm pháp lý về giao dịch đã xác lập.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, ông P kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho việc kháng cáo nên không cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông P.

[3] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông P phải chịu theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trương Hoài P.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê TH.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trương Hoài P trả cho ông Lê TH số tiền là 329.800.000 đồng (Ba trăm hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Hoài P phải chịu 16.490.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

Ông Lê TH được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.245.000 đồng (Tám triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0003874 ngày 31/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CTA, tỉnh Hậu Giang.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Hoài P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông P đã tạm ứng theo Biên lai số 0005525 ngày 08/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CTA, tỉnh Hậu Giang. Ông P đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 12/01/2021.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. CTA;
- Chi cục THADS H. CTA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Quốc Tuấn